

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2022/HS-ST

Ngày: 08-9-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thúy Hà

Ông Vương Đình Hoàng

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, TAND huyện M mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 74/2022/TLST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76 /2022/QĐXXST-HS, ngày 29/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lầu Thị B**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1984; tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản P, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Bố đẻ: Lầu Khua D, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Vừ Thị C, sinh năm 1962; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; bị cáo chung sống với nhau như vợ chồng với anh Mùa A D1, sinh năm 1983 và có 04 người con chung, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền sự; Tiền án: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính; Chưa bị kết án:

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* **Người phiên dịch cho bị cáo tại phiên tòa:** Ông Vừ A S, sinh năm 1992, dân tộc Mông; cư trú tại Tổ R, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Điện Biên.

\* **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lò Thị Khánh H – Trợ giúp viên, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Mùa A D1, sinh năm 1983, Nơi cư trú: Bản P, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lầu Thị B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 10/5/2022 tại đoạn đường thuộc bản X, xã Y, huyện Đ Lầu Thị B đã gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết tự giới thiệu tên là Sùng A T 02 túi ma túy, loại viên Methamphetamine màu

hồng, trong đó túi màu hồng chứa 13 viên và túi màu xanh chứa 12 viên, tổng 25 viên có khối lượng là 2,48 gam với giá 350.000 đồng, mục đích để bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy B cất giấu vào túi áo khoác bên trái rồi tiếp tục đi về nhà. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/5/2022 B điều khiển xe máy ra đón con đang học tại thị trấn M, khi đi B mang theo 02 túi Methamphetamine cho vào túi vải thổ cẩm đeo trước ngực nếu gặp người mua sẽ bán. Hối 10 giờ 00 phút cùng ngày, khi B đi đến đoạn đường thuộc bản Co Có, xã A, huyện M thì gặp tổ công tác Công an huyện M đang làm nhiệm vụ yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra tổ công tác đã phát hiện toàn bộ 02 túi ma túy B đang cất giấu trong túi vải thổ cẩm đeo trước ngực. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ ma túy của B rồi đưa về trụ sở Công an huyện M đấu tranh làm rõ.

- Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 14/5/2022 của Công an huyện M và Kết luận giám định số 693/KL-KTHS, ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lầu Thị B là 2,48 gam.

- 02 mẫu các viên nén màu hồng ký hiệu GĐ1, GĐ2 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lầu Thị B gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 56/CT-VKSMA ngày 26/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện M để xét xử bị cáo Lầu Thị B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo B, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015. Xử phạt Lầu Thị B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 1,98 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu gửi giám định và 01 túi vải thổ cẩm có hoa văn, dây đeo và khóa kéo.

- Trả lại cho anh Mùa A Dơ, sinh năm 1983, trú tại bản P, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đen đỏ, BKS 27B1 – 917.66 , số máy JA38E 0508810, số khung 3823KY028954.

**Về án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số do đó nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định

tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo B thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện M, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Nội dung vụ án:**

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lầu Thị B đã khai và công nhận: Hồi 10 giờ 00 phút, ngày 14/5/2022 tại bản Co Có, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép 2,48 gam Methamphetamine. Mục đích của bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để bán. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 52/CT-VKS-MA ngày 12/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo tàng trữ trái phép 2,48 gam Methamphetamine nhằm mục đích bán, do vậy buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 điều 251 BLHS quy định “*Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai 02 đến 07 năm*”.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù, được quy định tại khoản 1 điều 9 BLHS. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được sinh ra tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên, lớn lên không được học hành gì. Bị

cáo chung sống như vợ chồng với anh Mùa A D1 và có 04 người con chung. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn cố ý mua và tàng trữ trái phép 2,48 gam Methamphetamine với mục đích để bán. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 cho bị cáo. Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo B với nghề nghiệp là làm ruộng, không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

[5] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với người đàn ông dân tộc Mông tự giới thiệu tên Sùng A T đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không rõ địa chỉ của người này, đồng thời Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh tại bản X, xã Y, huyện Đ nhưng không có người tên Sùng A T. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không đủ cơ sở xác minh làm rõ.

[6] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS năm 2015: Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 1,98 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu gửi giám định và 01 túi vải thổ cẩm có hoa văn, dây đeo và khóa kéo.

- Đối với chiếc xe máy là vật chứng của vụ án thu giữ của bị cáo B, đây là tài sản riêng của anh Dơ. Nguồn gốc số tiền mua xe do anh đi làm thuê tích lũy mà có. Khi mua xe bị cáo không góp tiền cùng anh D1 để mua xe. Vì vậy, trả cho anh Mùa A D1, sinh năm 1983, trú tại bản P, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đen đỏ, BKS 27B1 – 917.66 , số máy JA38E 0508810, số khung 3823KY028954, xe thu giữ của bị cáo.

[7] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí HSST cho bị cáo.

[8] Bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện M; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đương sự qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Đối với đề nghị về hình phạt của vị đại diện VKSND huyện M đối với bị cáo là cao, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

**Vì các lẽ trên:**

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lầu Thị B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lầu Thị B 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 14/5/2022).

**2. Vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS năm 2015: Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 1,98 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu gửi giám định và 01 túi vải thổ cẩm có hoa văn, dây đeo và khóa kéo.

- Trả cho anh Mùa A D1, sinh năm 1983, trú tại bản P, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đen đỏ, BKS 27B1 – 917.66 , số máy JA38E 0508810, số khung 3823KY028954, xe thu giữ của bị cáo.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi Cục thi hành án dân sự huyện M lập ngày 12/8/2022).*

**3. Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí HSST cho bị cáo.

**4. Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.M
- Công an h.M
- Chi cục THADS h.M
- Bị cáo; đương sự
- Người bào chữa cho bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Phương**